

Số: /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 của Chính phủ về việc áp dụng cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2017-2020 (đã khởi công và sắp khởi công); Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 19/10/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 về việc áp dụng cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2017 - 2020 (đã khởi công và sắp khởi công);

Căn cứ Quyết định số 2247/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất san lấp trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất san lấp tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa”;

Căn cứ Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thăm

quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4343/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã phê duyệt trước ngày 01/01/2019;

Căn cứ Quyết định số 4966/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa cho Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Hải Phát;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 20/01/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Đơn đề ngày 24/01/2022 (kèm hồ sơ) của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Hải Phát đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 176/TTr-STNMT ngày 22/02/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Hải Phát (Giấy chứng nhận kinh doanh số 0106530769 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 07/05/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 23/11/2021; có địa chỉ tại số nhà 32, ngõ 88/61/67 phố Giáp Nhị, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam) được khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ 9,77 ha gồm 02 khu vực:
 - + Khu vực 1 có diện tích 6,5 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 6;
 - + Khu vực 2 có diện tích 3,27 ha được giới hạn bởi các điểm từ 7 đến 12.
- Toạ độ xác định tại Phụ lục 1 và trên Bản đồ khu vực mỏ kèm theo.
- Mức sâu khai thác thấp nhất:
 - + Khu vực 1: + 40 m;
 - + Khu vực 2: + 96 m.
- Trữ lượng địa chất cấp 122: 1.014.084 m³ đất san lấp, trong đó:
 - + Khu vực 1: 708.424 m³;

- + Khu vực 2: 305.660 m³.
- Trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác: 1.014.084 m³ đất san lấp, trong đó:
 - + Khu vực 1: 708.424 m³;
 - + Khu vực 2: 305.660 m³.
- Trữ lượng khai thác: 946.588 m³ đất san lấp, trong đó:
 - + Khu vực 1: 675.077 m³;
 - + Khu vực 2: 271.511 m³.
- Công suất khai thác: 230.000 m³/năm.
- Phương pháp khai thác: Lộ thiên.
- Thời hạn khai thác: 04 năm 6 tháng kể từ ngày ký giấy phép, trong đó thời gian xây dựng cơ bản là 05 tháng.
- Mục đích sử dụng khoáng sản: Cung cấp nguồn vật liệu xây dựng thông thường phục vụ dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc Nam qua tỉnh Thanh Hóa, đoạn Quốc lộ 45 - Nghi Sơn; nghiêm cấm việc nâng giá, ép giá, nếu vi phạm phải xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Hải Phát có trách nhiệm:

1. Mở chi nhánh hạch toán thuế độc lập tại tỉnh Thanh Hóa; nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.
2. Thực hiện việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giá trị và thời gian được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
3. Tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa để kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới hạn phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thuê đất theo quy định của pháp luật.
5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt (Quyết định số 30/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 20/01/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Tư

vấn xây dựng Hải Phát) và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ.

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành; nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, không làm ảnh hưởng đến sản xuất của Nhân dân, không vận chuyển quá tải trọng, quá khổ giới hạn, chịu trách nhiệm sửa chữa hư hỏng, hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông do quá trình khai thác, vận chuyển gây ra; bố trí bãi tập kết đất, vật liệu thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

10. Sau khi hoàn thành việc cung cấp khoáng sản phục vụ dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc Nam qua tỉnh Thanh Hóa, đoạn Quốc lộ 45 - Nghi Sơn, phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường, đóng cửa mỏ để địa phương quản lý theo quy định của Luật Khoáng sản, Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021, Nghị Quyết số 133/NQ-CP ngày 19/10/2021 của Chính phủ và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

11. Thực hiện đầy đủ các nội dung cam kết; tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan trong việc khai thác khoáng sản; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra các vi phạm trong quá trình khai thác khoáng sản tại khu vực mỏ nêu trên.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Trước khi tiến hành khai thác Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Hải Phát phải mở chi nhánh hạch toán thuế độc lập tại tỉnh Thanh Hóa để tổ chức khai thác, kê khai, nộp thuế, phí và các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định;

phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu khai thác, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Mai Xuân Liêm;
- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Các Sở: TN&MT, GTVT, XD, NN&PTNT;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Ban Quản lý Dự án 2 – Bộ GTVT;
- UBND thị xã Nghi Sơn;
- UBND xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn
- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Hải Phát;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Phụ lục 1

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SÁN TẠI XÃ
TÂN TRƯỜNG, THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

*(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND
ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Khu vực	Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000 Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
Khu vực 1 6,5 ha	1	2141 564.00	569 793.00
	2	2141 308.00	570 017.00
	3	2141 324.60	570 062.18
	4	2141 387.00	570 150.00
	5	2141 421.00	570 138.00
	6	2141 699.00	569 935.00
Khu vực 2 3,27 ha	7	2141 773.00	569 960.00
	8	2141 517.00	570 144.00
	9	2141 576.88	570 141.54
	10	2141 698.00	570 088.00
	11	2141 918.00	570 088.00
	12	2141 900.49	569 966.59
Diện mỏ 9,77 ha			